

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **04/2018/HSPT**

Ngày: 20/4/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kim Thu

- *Các thẩm phán:* 1. Ông Trần Năm.

2. Ông Huỳnh Nguyên.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mai – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum:* Bà Lê Trí Trúc Mai – Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 20/4/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 08/2018/HSPT ngày 13 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo Đỗ Văn H do có kháng cáo của bị cáo Đỗ Văn H và người bị hại Phạm Ngọc D đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 05/2018/HSST ngày 09/2/2018 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum.

Bị cáo kháng cáo:

Đỗ Văn H - Sinh ngày 26/11/1964, tại tỉnh Thái B; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn Ngọc H, xã Bờ Y, huyện Ngọc H, tỉnh Kon Tum; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 0/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Bố đẻ: Đỗ Văn V (Đã chết); Mẹ đẻ: Nguyễn Thị M (Đã chết); Anh chị em ruột: có 5 anh, chị em, bị cáo là con út trong gia đình; Vợ: Nguyễn Thị T – Sinh năm 1965 - Trú tại thôn Ngọc H, xã Bờ Y, huyện Ngọc H, tỉnh Kon Tum; Con: Có 5 người con lớn nhất sinh năm 1981, nhỏ nhất sinh năm 2000; Tiền sự: Không; Tiền

án: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26/10/2017 cho đến nay, (bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa).

Người tham gia tố tụng khác có kháng cáo:

Người bị hại: Ông Phạm Ngọc D; sinh năm 08/4/1960

Trú tại: Thôn Ngọc H, xã Bờ Y, huyện Ngọc H, tỉnh Kon Tum (Có mặt).

Những người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng:

1. Ông Trương Quốc T – Trú tại thôn Ngọc H, xã Bờ Y, huyện Ngọc H, tỉnh Kon Tum (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bà Tạ Thị T – Trú tại thôn Ngọc H, xã Bờ Y, huyện Ngọc H, tỉnh Kon Tum (có mặt).

3. Bà Huỳnh Thị Kim N - Trú tại thôn Ngọc H, xã Bờ Y, huyện Ngọc H, tỉnh Kon Tum (có mặt).

4. Ông Bùi Thanh L - Trú tại thôn Ngọc H, xã Bờ Y, huyện Ngọc H, tỉnh Kon Tum (có mặt).

5. Bà Vũ Thị T - Trú tại thôn Ngọc H, xã Bờ Y, huyện Ngọc H, tỉnh Kon Tum (Vắng mặt).

7. Phạm Tiến A - Trú tại thôn Ngọc H, xã Bờ Y, huyện Ngọc H, tỉnh Kon Tum (Có mặt).

6. Bà Vũ Thị Y - Trú tại Tổ dân phố 4, thị trấn P, huyện Ngọc H, tỉnh Kon Tum (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hồi và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 00 ngày 17/7/2017, Đỗ Văn H sau khi đi chơi ở nhà con trai về thì đi ngang nhà bà Huỳnh Thị Kim N. Lúc này đang có các cán bộ địa chính tiến hành đo đạc lại thửa đất đang tranh chấp giữa vợ chồng ông Phạm Ngọc D, bà Tạ Thị Th với bà Huỳnh Thị Kim N theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân xã Bờ Y, gồm bà Vũ Thị Y - cán bộ địa chính xã, phối hợp cùng ông Trương Quốc T (Thôn phó thôn Ngọc H, xã Bờ Y). Ngoài ra còn có một số người dân đến xem gồm Bùi Thanh L, Vũ Thị T. Thấy vậy ông H cũng vào xem, quá trình đo đạc vị trí tranh chấp là ranh giới đất giữa hai gia đình. Khi đo đến gần cuối bờ chung của hai thửa đất thì ông Phạm Ngọc D không hiểu cách thức đo nên yêu cầu bà Y đo lại theo tứ cận (là đo bốn mặt), lúc

này bà N và bà T bất đồng quan điểm về mốc ranh giới nên có lời qua tiếng lại với nhau. Bà Y, ông D, ông T tiếp tục đi xuống cuối vườn của thửa đất bà Ngọc để đo lại. Hoàng cũng đi theo, và có góp ý về việc đo đạc đất với bà Y. Bà T thấy vậy liền chửi H “*cha thằng bại não, phận sự gì đến mày mà xía vào*”, H liền chửi lại “*địt mẹ mày, hôm nay tao đánh chết mày, mày đi ăn cướp đất*”. Bà T tiếp tục chửi “*địt mẹ mày, ai mày cũng đe, mày cũng đánh, mày đánh được thì mày đánh đi*”, H chửi tiếp “*vợ chồng thằng D đâu lại đây*”, nghe thấy vậy ông D quay lại và đi về phía H nói “*địt mẹ mày, mày đòi đánh ai?*”. Rồi H và ông D xông đến đấm đá nhau bằng tay không. H lấy được một đoạn cây cà phê khô cứng chắc đã cắt cành, dài 1,27m, có 04 cành (cành đã bị gãy nhọn), đường kính đầu to (gốc) của cây là 05cm; đường kính đầu nhỏ (ngọn) là 03cm, có 3 cành nhọn đã cắt ngọn chia ra ngoài, giơ lên cao và đánh về phía ông D theo hướng từ trên xuống, theo phản xạ ông D đưa tay trái lên đỡ thì thân cây cà phê trúng vào mặt ngoài của mu bàn tay trái, một cành nhỏ của phần ngọn trúng vào mi mắt trái của ông D gây vết thương rách da và chảy máu. Thấy vậy ông T liền chạy đến can ngăn, ông T xen vào giữa hai người, dùng lưng quay về phía bị cáo H áp sát lại cản hành vi của H, đồng thời dùng tay đẩy ông D ra, rồi quay lại giật đoạn cây cà phê trên tay H ném vào vườn cà phê nhà ông D, anh Phạm Tiến A (con trai bà N) lúc này đi làm về nhìn thấy liền chạy đến ôm ông D can ra. Nhìn thấy mi mắt ông D chảy máu nên ông T đưa ông D đến Trạm y tế xã Bờ Y kiểm tra, chữa trị vết thương.

Tại bản kết luận giám định tỷ lệ thương tích số: 115/TgT-TTPY ngày 18/8/2017 của Trung tâm pháp y Sở y tế tỉnh Kon Tum kết luận: hai mắt cận thị, đục thủy tinh thể (bệnh lý) không xếp tỷ lệ: sẹo ở cung mày mắt bên trái 01%; gãy kín đầu xa ngón V bàn tay bên trái đang bó bột cẳng tay trái đỡ ngón V 08%. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể 09% (chín phần trăm). Sẹo ở cung mày mắt bên trái + gãy kín đầu xa ngón V bàn tay bên trái do vật tày có cạnh nhọn gây ra.

Bản cáo trạng số: 01/CT-VKS ngày 10/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hồi đã truy tố bị cáo Đỗ Văn H về tội “Cố ý gây thương tích” theo Điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum thực hành quyền công tố đã luận tội đối với bị cáo, qua phân tích, đánh giá về mức độ nguy hiểm của hành vi mà bị cáo gây ra cho xã hội, cũng như đánh giá về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng theo Điểm a khoản 1 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999, Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; Khoản 3 Điều 7; Điểm a khoản 1 Điều 134; Điểm b, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; Công văn 04/TANDTC –

PC ngày 09/1/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao để xử phạt bị cáo Đỗ Văn H mức án từ 6 (Sáu) tháng đến 9 (Chín) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo H phải bồi thường cho Ông D tổng số tiền là 53.150.000đ (Năm mươi ba triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) theo như đơn yêu cầu của ông D.

Về tang vật chứng của vụ án: Quá trình điều tra cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ngọc Hồi, đã thu giữ tang vật là 01cây cà phê là hung khí của vụ án, không còn giá trị sử dụng nên đề nghị tịch thu, tiêu hủy.

Với nội dung trên, tại bản án hình sự sơ thẩm số 05/2018/HSST ngày 09/2/2018 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum đã quyết định:

Áp dụng: Điểm a, khoản 1 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999; Điểm a khoản 1 Điều 134; Điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65; khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015; Điểm h khoản 2 Điều 2 của Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội;

Tuyên bố: Bị cáo Đỗ Văn H phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt: Bị cáo Đỗ Văn H 9 (Chín) tháng tù. Nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án (09/02/2018).

Giao bị cáo Đỗ Văn H về cho Ủy ban nhân dân xã Bờ Y, huyện Ngọc H, tỉnh Kon Tum nơi bị cáo cư trú, giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên trách nhiệm dân sự về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/02/2018 người bị hại ông Phạm Ngọc D kháng cáo không đồng ý với bản án hình sự sơ thẩm số 05/2018/HSST ngày 09/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi về việc: Ông cho rằng bà Huỳnh Thị Kim N và con trai bà N là anh Phạm Tiên A là đồng phạm với bị cáo Đỗ Văn H gây thương tích cho ông, cấp sơ thẩm xét xử cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ thật thà khai báo, ăn năn hối cải, khắc phục hậu quả là không đúng với quy định của pháp luật. Bị cáo có nhân thân xấu nhiều lần gây gỗ, đe dọa gây thiệt hại về tài sản và về tinh thần đối với gia đình ông. Mục đích phạm tội của bị cáo mang tính chất côn đồ vì động cơ đe hèn phạm tội đến cùng vì bị cáo đã nhiều lần gây gỗ với gia đình ông. Cấp sơ thẩm xác định tư cách tổ tụng đối với bà Huỳnh Thị Kim N là người làm chứng là không đúng vì bà N là đồng phạm tham gia gây thương tích cho ông, xác định bà Tạ Thị T là người làm chứng là không đúng vì bà T là người chăm sóc cho ông khi ông ở bệnh viện nên phải xác định bà T là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Ngày 23/2/2018 Bị cáo Đỗ Văn H có đơn kháng cáo xin cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt với lý do: Đề nghị xem xét đến điều kiện hoàn cảnh phạm tội của bị cáo vì từ trước đến khi phạm tội bị cáo không vi phạm pháp luật, không có tiền án tiền sự, khi phạm tội bị cáo bị kích động, không kiểm soát được hành vi của mình, bản thân bị cáo luôn thật thà khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, sau khi gây thương tích cho bị hại bị cáo có nhờ chính quyền thôn sang nhà gia đình bị hại để bồi thường nhưng không thành. Do vậy, cấp sơ thẩm xử bị cáo 9 tháng tù treo là quá nặng, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo sớm hòa nhập gia đình và xã hội để làm lại cuộc đời.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Đỗ Văn H về tội “*Cố ý gây thương tích*” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật; xử phạt mức hình phạt đối với bị cáo 09 tháng tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo là phù hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Đỗ Văn H rút toàn bộ đơn kháng cáo việc rút kháng cáo của bị cáo là phù hợp với Điều 342 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đình chỉ xét xử đối với kháng cáo của bị cáo Đỗ Văn H.

Đối với kháng cáo của người bị hại Phạm Ngọc D, tại phiên tòa phúc thẩm bị hại kháng cáo nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì mới về nội dung kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, đ khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị hại Phạm Ngọc D, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 05/2018/HSSST ngày 09/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa hôm nay Bị cáo Đỗ Văn H rút toàn bộ đơn kháng cáo việc rút kháng cáo của bị cáo là phù hợp với Điều 342 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút kháng cáo của bị cáo và Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với đơn kháng cáo của bị cáo Đỗ Văn H. Người bị hại Phạm Ngọc D không thay đổi, sửa đổi hay rút đơn kháng cáo, đơn kháng cáo của người bị hại nằm trong hạn luật định nên Hội đồng xét xử xem xét.

[2]. Về tội danh: Ngày 17/7/2017 trong lúc cán bộ địa chính xã Bờ Y, huyện Ngọc H, tỉnh Kon Tum đo đạc đất giữa hộ gia đình bà N và hộ gia đình ông D, tuy không có phận sự gì nhưng bị cáo H đã xen vào và tham gia ý kiến dẫn đến giữa bà Th, ông D và bị cáo xảy ra cãi nhau, ông D và bị cáo xông vào đánh nhau bằng tay chân, sau đó bị cáo đã dùng cây cà phê đánh ông D gây thương tích 9%. Do đó, cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Đỗ Văn H về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999 là đúng tội.

[3]. Xét kháng cáo của người bị hại Phạm Ngọc D không đồng ý với bản án hình sự sơ thẩm số 05/2018/HSST ngày 09/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi vì ông cho rằng: Bà Huỳnh Thị Kim N và con trai bà N là anh Phạm Tiến A là đồng phạm với bị cáo Đỗ Văn H gây thương tích cho ông, cấp sơ thẩm xét xử cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ thật thà khai báo, ăn năn hối cải, khắc phục hậu quả là không đúng với quy định của pháp luật. Bị cáo có nhân thân xấu nhiều lần gây gỗ, đe dọa gây thiệt hại về tài sản và về tinh thần đối với gia đình ông. Mục đích phạm tội của bị cáo mang tính chất côn đồ vì động cơ đê hèn phạm tội đến cùng vì bị cáo đã nhiều lần gây gỗ với gia đình ông. Cấp sơ thẩm xác định tư cách tổ tụng đối với bà Huỳnh Thị Kim N là người làm chứng là không đúng vì bà N là đồng phạm tham gia gây thương tích cho ông, xác định bà Tạ Thị T là người làm chứng là không đúng vì bà T là người chăm sóc cho ông khi ông ở bệnh viện nên phải xác định bà T là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[3.1]. Xét kháng cáo của ông D cho rằng bà N và anh A là đồng phạm là không có cơ sở: Bởi lẽ, sau khi sự việc xô xát xảy ra ông D đã có đơn đề nghị khởi tố vụ án đối với bị cáo H, trong suốt quá trình điều tra ông D đều cho rằng bị cáo dùng cây Cà phê đánh vào mặt ông nguyên nhân là do giữa bị cáo, bà T và ông cãi nhau về việc bị cáo can thiệp vào việc giải quyết tranh chấp đất của gia đình ông. Căn cứ vào lời khai của những người làm chứng có mặt tại hiện trường đều thể hiện giữa ông D, bị cáo H và bà T cãi nhau, bị cáo đã dùng cây Cà phê đánh ông D, ông T và bà Y can ngăn sau đó bị cáo bỏ về. Hành vi phạm tội của bị cáo xuất phát từ việc ông D, bà T và bị cáo có lời qua tiếng lại, xúc phạm nhau nên bị cáo đánh ông D, ngoài ra không có sự tham gia của anh A và bà N. Vì vậy, ông D cho rằng bà N và anh A là đồng phạm là không có cơ sở, sự việc ông D và bị cáo đánh nhau có nhiều người chứng kiến trong đó có bà N nên cấp sơ thẩm xác định tư cách tổ tụng của bà N là người làm chứng là đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[3.2]. Sau khi sự việc xô xát xảy ra Chính quyền địa phương và Cơ quan Công an đã tiến hành hòa giải nhưng ông D không đồng ý vấn đề bồi thường. Do đó, bị cáo đã nộp số tiền 2.000.000đ vào Chi cục thi hành án huyện Ngọc Hồi để khắc phục hậu quả, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo đã thật thà khai báo đối với hành vi phạm tội của mình, xét thấy lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại và lời khai của những người làm chứng. Do đó, cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ đó là bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thật thà khai báo ăn năn hối cải quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo là phù hợp.

[3.3]. Xét nguyên nhân dẫn đến việc bị cáo dùng cây cà phê để đánh bị hại, xuất phát từ việc bị cáo không có phận sự trong việc đo đạc giải quyết tranh chấp đất giữa hộ ông D, bà N nhưng bị cáo đã tham gia bình luận dẫn đến việc bà T, bị cáo và ông D cãi nhau và ông D, bị cáo có lời lẽ xúc phạm thách đố nhau nên hai bên xông vào đánh nhau bằng tay chân và sau đó bị cáo dùng cây Cà phê đánh ông D, sau khi được mọi người can ngăn bị cáo đã bỏ về. Như vậy, việc bị cáo đánh ông D là do hai bên mâu thuẫn và xông vào đánh nhau, cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết “*Côn đồ*” mà áp dụng tình tiết “*Dùng hung khí nguy hiểm*” là phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án. Việc ông D cho rằng hành vi của bị cáo là côn đồ vì động cơ đê hèn phạm tội đến cùng là không có căn cứ.

[3.4]. Căn cứ vào các tài liệu có tại hồ sơ vụ án thể hiện: Từ trước cho đến ngày phạm tội bị cáo chưa bị xử phạt hành chính, chưa bị kết án, ông D cho rằng bị cáo có nhân thân xấu nhưng không chứng minh những vi phạm của bị cáo đã bị xử lý. Do đó, cấp sơ thẩm nhận định bị cáo có nhân thân tốt là phù hợp với các tài liệu trong hồ sơ vụ án. Căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ, xem xét đến nhân thân của bị cáo cấp sơ thẩm cho bị cáo hưởng án treo là phù hợp với quy định của pháp luật và Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm đã áp dụng điều luật về án treo theo Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 là chưa chính xác. Do đó, cấp phúc thẩm áp dụng Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 cho bị cáo hưởng án treo theo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung này, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[3.5]. Đối với kháng cáo cho rằng cấp sơ thẩm xác định bà T là người làm chứng là không đúng mà phải xác định bà T là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vì đã chăm sóc ông, về nội dung này thấy rằng: Khi ông D và bị cáo đánh nhau, bà T có mặt và chứng kiến toàn bộ sự việc nên cấp sơ thẩm xác định bà là người làm chứng là phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra vụ án ông D không yêu cầu bị cáo bồi thường, bà T cũng không có ý kiến gì liên quan đến vấn đề bồi thường vì bà có công chăm sóc đối với ông D. Do đó, cấp sơ thẩm không có cơ sở để xác định bà T là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm vấn đề bồi thường thiệt hại đã được bị cáo và bị hại thỏa thuận, trong đó có nội dung ông D yêu cầu bị cáo phải bồi thường tiền công chăm sóc cho ông, bà T có mặt tại phiên tòa không có ý kiến gì. Tại phiên tòa hôm nay ông D cho rằng ông không kháng cáo về trách nhiệm dân sự và việc xác định tư cách tố tụng của bà T là phù hợp nên ông không có ý kiến gì, bà T cũng không có ý kiến gì. Do đó, Hội đồng không xem xét về nội dung này.

Từ những phân tích nêu trên HĐXX xét thấy: Không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của người bị hại Phạm Ngọc D, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 05/2018/HSST ngày 09/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum.

[4]. Về án phí: Bị cáo Đỗ Văn H không phải chịu án phí hình hình sự phúc thẩm.

Do kháng cáo của người bị hại không được chấp nhận nên người bị hại Phạm Ngọc D phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị HĐXX không xem xét.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 342; điểm a, đ khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Đỗ Văn H. Không chấp nhận kháng cáo của người bị hại Phạm Ngọc D. Giữ nguyên bản án hình sự sơ

thẩm số 05/2018/HSST ngày 09/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi về phân hình phạt.

Áp dụng: Điểm a, khoản 1 Điều 104; Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Điểm a khoản 1 Điều 134; Điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015; Điểm h khoản 2 Điều 2 của Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội;

Tuyên bố: Bị cáo Đỗ Văn H phạm tội “ *Cố ý gây thương tích*”.

Xử phạt: Bị cáo Đỗ Văn H 9 (Chín) tháng tù. Cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án (09/02/2018).

Giao bị cáo Đỗ Văn H về cho Ủy ban nhân dân xã Bờ Y, huyện Ngọc H, tỉnh Kon Tum nơi bị cáo cư trú, giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

2. Về án phí phúc thẩm: Căn cứ điểm g, đ khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Đỗ Văn H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Buộc người bị hại ông Phạm Ngọc D phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không có kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (20/4/2018)./.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh KonTum;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Kim Thư